

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

*Bùi Huy Khôi**

TÓM TẮT

Nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân và là một bộ phận trọng yếu của tái sản xuất xã hội. Phát triển nông nghiệp luôn giữ vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, nhất là đối với nước ta, sản xuất nông nghiệp hiện còn đang chiếm 20,9 % GDP nền kinh tế, thu hút 56,8% lực lượng lao động của xã hội và đóng góp 30% giá trị xuất khẩu của cả nước.

TRANSFERRING AGRICULTURAL ECONOMY MECHANISM IN VIETNAM TO ENTEGRATE INTERNATIONAL ECONOMY

SUMMARY

Agricuture is a national material production field and a essential part of social re-production. Developing agriculture always keeps a important positon in every country's society – economy development strategy, expecially in Vietnam, agricultural production is 20.9% GDP, attracts 56,8 % labour force and contributes into export 30%.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân và là một bộ phận trọng yếu của tái sản xuất xã hội. Phát triển nông nghiệp luôn giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, nhất là đối với nước ta, sản xuất nông nghiệp hiện còn đang chiếm 20,9 % GDP nền kinh tế, thu hút 56,8% lực lượng lao động của xã hội và đóng góp 30% giá trị xuất khẩu của cả nước.

Thời gian qua nông nghiệp Việt Nam không ngừng phát triển, đặc biệt là sản xuất lương thực đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu để thu ngoại tệ.

Nông nghiệp góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương như tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người nông dân; đóng góp vào ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao và bền vững, việc xác định và hoàn thiện một cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý, phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế không chỉ là yêu cầu có tính khách quan, mà còn là một trong những nội dung chủ yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết

ThS. GV. Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh

Trung ương 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001 – 2010 đã chỉ rõ: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá”.

Với tinh thần trên, nhiều chính sách mới trong nông nghiệp được triển khai, đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông nghiệp cả nước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, một số nông sản phục vụ xuất khẩu tăng nhanh, góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên trước những đòi hỏi của quá trình hội nhập quốc tế sâu và rộng như hiện nay, cơ cấu kinh tế nông nghiệp của cả nước trong thời gian qua nhìn chung chuyển dịch còn chậm, chưa phát huy cao tiềm năng và lợi thế của từng vùng nên hiệu quả chuyển dịch chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô, địa bàn sản xuất của hầu hết các nông sản hàng hóa chủ lực còn phân tán, phát triển theo chiều rộng là chính, hàm lượng khoa học và công nghệ đưa vào sản phẩm còn ít, dẫn đến năng suất và chất lượng sản phẩm thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế yếu. Những mặt hàng xuất khẩu chiến lược của tỉnh được xây dựng trên cơ sở nguồn nguyên liệu tại chỗ, gắn với công nghiệp chế biến và quan hệ hợp đồng khép kín giữa người sản xuất với nhà kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế như: vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn quá thấp, việc ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ vào quá trình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn chậm, giá cả và thị trường tiêu thụ không ổn định... Những hạn chế trên đã ảnh hưởng không

nhỏ đến năng suất, chất lượng và hiệu quả của ngành nông nghiệp.

Do đó, nếu không chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra khối lượng hàng hóa xuất khẩu lớn, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trên con đường hội nhập, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, thì không thể giải quyết được những vấn đề trên.

2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Mặc dù khủng hoảng kinh tế thế giới còn tác động đến những tháng cuối năm 2010 và thiên tai, dịch bệnh hoành hành, nhưng tốc độ tăng trưởng của toàn ngành nông nghiệp vẫn đạt 2,8%/ năm; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 3,36%/ năm. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng 4,69% trong năm 2010, bình quân năm năm tăng 4,93%/ năm (mục tiêu kế hoạch là 4,5%/ năm).

2.1. Trồng trọt

Trong hơn bốn thập niên, lương thực đối với nước ta luôn là vấn đề nóng bỏng, tình trạng thiếu lương thực diễn ra triền miên. Tính riêng 13 năm (1976-1988) Việt Nam đã nhập 8,5 triệu tấn gạo, hàng năm nhập 0,654 triệu tấn gạo, trong đó thời kỳ 1976-1980 bình quân nhập hàng năm 1,12 triệu tấn, thời kỳ 1981-1988 bình quân hàng năm nhập 0,3625 triệu tấn. Song từ năm 1989 lại đây, sản xuất lương thực nước ta chẳng những đã trang trải nhu cầu lương thực cho tiêu dùng, có dự trữ lương thực cần thiết mà còn dư thừa để xuất khẩu, hàng năm xuất khẩu từ 1,5 - 2,0 triệu tấn gạo thời kỳ 1989-1995 và tăng lên 3 - 4,6 triệu tấn gạo thời kỳ 1996-2000. Năm 2010, tính chung cả nước sản xuất lúa (là một năm được mùa lớn). Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2010 ước đạt 7513,7 nghìn ha, tăng 76,5 nghìn ha so với 2009, nhưng sản lượng tăng hơn 900 nghìn tấn. Sản lượng lúa cả ước tính đạt gần 40 triệu tấn, tăng 1,04 triệu tấn so với năm 2009. Do cả diện tích và năng suất đều tăng, trong đó diện

tích gieo trồng ước tính đạt 7513,7 nghìn ha, tăng 76,5 nghìn ha so với năm trước; năng suất đạt 53,2 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha. Đảm bảo an ninh lương thực trong nước và xuất khẩu 6,7 triệu tấn gạo.

2.2. Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi, sản xuất đang tiếp tục phát triển nhân rộng hình thức trang trại, sử dụng giống tốt, thức ăn công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Tổng giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi đạt tăng trưởng 7% trong năm 2010.

2.3. Lâm nghiệp

Ngành lâm nghiệp, độ che phủ của rừng đã tăng từ 37,1% vào năm 2005 lên 39,5% vào năm 2010. Trong giai đoạn 2006-2010, đã trồng thêm được 1.091 nghìn ha rừng, vượt 9% so với kế hoạch. Trong đó: trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng đạt 252.015 ha; trồng rừng sản xuất được 839.416 ha. Trong 5 năm qua, đã khoán diện tích bảo vệ rừng đạt 2.507.355 ha, vượt 67% so với kế hoạch; diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh đạt 922.768 ha, tăng 15% so với kế hoạch Công tác bảo vệ rừng đã thực sự có bước chuyển biến tích cực, số vụ vi phạm các quy định về quản lý rừng trong năm 2010 đã giảm 6.665 vụ so với năm trước, nhiều điểm nóng về phá rừng trái phép đã được khống chế. Tuy nhiên, do thời tiết đầu năm khô hạn kéo dài nên hiện tượng cháy rừng vẫn xảy ra tại một số địa phương. Tổng diện tích rừng bị cháy và bị chặt phá năm 2010 là 7781 ha, trong đó diện tích rừng bị cháy 6723 ha; diện tích rừng bị chặt phá 1058 ha. Các địa phương có diện tích rừng bị cháy nhiều là: Hà Giang 842 ha; Lào Cai 795,5 ha; Yên Bái 740,5 ha; Sơn La 663 ha; Cao Bằng 232,3 ha; Quảng Trị 180 ha; Kom Tum 171 ha; Đồng Tháp 130,4 ha; Nghệ An 115,3 ha.

2.4. Thủy sản

Sản lượng thủy sản năm 2010 ước tính đạt 5127,6 nghìn tấn, tăng 5,3% so với năm 2009, trong đó cá đạt 3847,7 nghìn tấn, tăng 4,8%; tôm 588,8 nghìn tấn, tăng 7,1% vượt 30%

so với mục tiêu kế hoạch 5 năm 2006-2010. Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2010 ước tính đạt 2706,8 nghìn tấn, tăng 4,5% so với năm trước. Năm vừa qua, Chính phủ tiếp tục có nhiều chính sách hỗ trợ cho hoạt động khai thác bằng nhiều giải pháp: nâng cao chất lượng công tác dự báo, hướng dẫn ngư trường, khuyến khích ngư dân trang bị tàu có công suất lớn, hiện đại hoá trang thiết bị bảo quản phục vụ khai thác dài ngày trên biển. Hoạt động khai thác đang từng bước kết hợp được với công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Ước sản lượng khai thác cả năm đạt 2.395 nghìn tấn, tăng 5,2%.

2.5. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt mức kỷ lục, ước đạt 19,15 tỷ USD, tăng gần 22,6% so với năm 2009, vượt 77,3% so với mục tiêu được Đại hội Đảng X đề ra. Năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đã đạt trên 18 tỷ USD, đưa nước ta thành một trong những quốc gia xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn trên thế giới. Năng suất lúa năm 2010 đạt 53 tạ/ha, gấp 4,4 lần năng suất năm 1945 và gần gấp hai lần năm 1985. Sản lượng lúa năm 2010 đạt gần 40 triệu tấn; sản lượng thịt tăng gấp năm lần so với năm 1985; độ che phủ của rừng tăng lên 39,5% vào năm 2010. Thủy sản năm 2010 đạt tổng sản lượng 4,8 triệu tấn. Sản lượng muối đạt 1,1 triệu tấn.

3. THÀNH TỰU TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới, vượt qua bao gian khó, đến nay nền nông nghiệp nước ta đã từng bước trưởng thành và đóng góp nhiều thành tựu vào sự nghiệp phát triển đất nước, trong đó nổi bật là những thành tựu sau:

- Thành tựu nổi bật nhất là nông nghiệp Việt Nam tăng trưởng cao, liên tục, đặc biệt là giải quyết được vấn đề lương thực cho đất nước.

Giải quyết tốt vấn đề lương thực là điều kiện quyết định để đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. Trong một thời kỳ dài, nông nghiệp nước ta là nông nghiệp độc canh lúa nước, từ khi giải quyết được vấn đề lương thực, mới có điều kiện để đa dạng hóa theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả... Lương thực dồi dào, nguồn thức ăn phong phú đã tạo điều kiện để phát triển chăn nuôi.

Những năm gần đây thủy sản đã có bước phát triển đáng kể, công tác nuôi trồng thủy sản được coi trọng, nhất là vùng ven biển. Những cơ sở sản xuất giống và nuôi tôm xuất khẩu được triển khai ở ven biển miền Trung. Việc đánh bắt hải sản đang được khôi phục và phát triển ở nhiều địa phương, tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt được tăng cường, nhất là hiện nay các tỉnh đang triển khai dự án đánh bắt cá xa bờ, tiềm lực của thủy sản được tăng nhanh, nhờ vậy mà sản lượng thủy sản tăng nhanh, sản phẩm xuất khẩu ngày càng lớn.

Nước ta đã tham gia xuất khẩu gạo, cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, thủy sản, các loại lâm sản với số lượng và chất lượng ngày càng tăng. Hạt điều, hạt tiêu có giá trị xuất khẩu cao nhất thế giới và được đánh giá cao về chất lượng; gạo, cà phê đứng thứ hai, cao su đứng thứ tư, thủy sản đứng thứ năm, chè đứng thứ bảy... Đã có năm có mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên là gạo, thủy sản, đồ gỗ, cà phê và cao su. Hàng nghìn công trình thủy lợi được xây dựng trong 65 năm qua, trong đó có nhiều công trình quy mô lớn. Hệ thống thủy lợi với hàng nghìn hồ đập, trạm bơm, hàng chục nghìn km kênh mương, đê kè đã được hình thành.

- Từng bước hình thành những vùng sản xuất chuyên môn hóa với quy mô lớn. Từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp chuyển sang sản xuất nông sản hàng hóa, nông nghiệp nước ta đã và đang từng bước hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa với quy mô lớn. Trong nhiều

năm lương thực vùng đồng bằng sông Hồng không đủ trang trải nhu cầu trong vùng. Những năm gần đây đã có dư thừa, thóc hàng hoá hàng năm đã đạt trên 1 triệu tấn.

- Nông nghiệp đã tạo nhiều việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo (tỷ lệ hộ đói nghèo giảm 2%/năm). Trước đổi mới, số người sống dưới mức đói nghèo là 60%, năm 2003 giảm xuống còn 29% và năm 2006 còn 19%. Trong khi công nghiệp và dịch vụ còn đang lầy ã thì nông nghiệp và kinh tế nông thôn vẫn là nơi tạo việc làm chính cho dân cư nông thôn.

- Môi trường được cải thiện một cách rõ rệt. Thập niên 90 của thế kỷ XX chứng kiến những bước ngoặt quan trọng về nhận thức và hành động của lâm nghiệp, chuyển từ khai thác rừng tự nhiên sang bảo vệ rừng, tăng đầu tư trồng mới, khoanh nuôi; xã hội hóa hoạt động trồng và bảo vệ rừng. Phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trồng mới 5 triệu hecta rừng cùng các chính sách giao đất, giao rừng và hạn chế khai thác gỗ đã góp phần tăng tỷ lệ che phủ rừng từ 33,2% (năm 1999) lên 38% (năm 2006), tăng lên 39,5% vào năm 2010.

4. HẠN CHẾ TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Bên cạnh những thành tựu đạt được nêu trên, nông nghiệp nước ta cũng còn nhiều tồn tại và hạn chế.

- Bình quân đất nông nghiệp trên số dân làm nông ở Việt Nam rất thấp, chỉ có 0,16 ha/đầu người. Vấn đề đối với quy mô đất nhỏ của các nông hộ càng trầm trọng hơn do tính xé lẻ, một kết quả của áp lực gia tăng dân số, và cụ thể ở miền Bắc là do quá trình giao đất cho các nông hộ sau khi xóa bỏ hệ thống hợp tác xã kiểu cũ. Hơn nữa, do những kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ, thị trường quyền sử dụng đất vẫn chưa rõ ràng và do đó vận hành chưa có hiệu quả.

- Vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn quá thấp, chỉ bằng 10% so với tổng đầu tư ngân sách xã hội. Chính vì đầu tư thấp nên sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, trình độ canh tác của nông dân lạc hậu, hệ thống hạ tầng phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu, tốc độ cơ giới hóa chậm, chất lượng nông sản thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh kém, luôn bị động trước những diễn biến thị trường. Bên cạnh đó, con số đầu tư 10% ngân sách cho nông nghiệp cũng chưa thực sự hiệu quả bởi chúng ta chưa làm tốt công tác quy hoạch, xây dựng chiến lược và có chính sách cụ thể, hợp lý.

- Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, thiếu bền vững. Ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn, trên 57%, các ngành chăn nuôi, lâm nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế và xu hướng phát triển không ổn định. Việc xây dựng các vùng nguyên liệu lớn, tập trung cho các ngành công nghiệp chế biến tiến hành chậm.

- Việc ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ vào quá trình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn chậm. Hầu hết các loại cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh thấp. Năng suất cây trồng thường mới đạt từ 50% đến 70% mức bình quân chung của thế giới. Công tác nghiên cứu, chuyên giao khoa học – kỹ thuật, công nghệ mới còn nhiều bất cập. Hệ thống quản lý thủy nông, thú y, bảo vệ thực vật, cung ứng giống, vật tư chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn.

- Công tác bảo vệ rừng và tuyên truyền phòng chống cháy rừng luôn được các địa phương quan tâm và tổ chức triển khai đến các thôn, bản. Tuy nhiên, do thời tiết đầu năm khô hạn kéo dài nên hiện tượng cháy rừng vẫn xảy ra tại một số địa phương. Tổng diện tích rừng bị cháy và bị chặt phá năm 2010 là 7781 ha, trong đó diện tích rừng bị cháy 6723 ha; diện tích rừng bị chặt phá 1058 ha. Các địa phương có

diện tích rừng bị cháy nhiều là: Hà Giang 842 ha; Lào Cai 795,5 ha; Yên Bái 740,5 ha; Sơn La 663 ha; Cao Bằng 232,3 ha; Quảng Trị 180 ha; Kom Tum 171 ha; Đồng Tháp 130,4 ha; Nghệ An 115,3 ha.

5. GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

5.1. Điều chỉnh cơ cấu trong nông nghiệp

Cần tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất chuyển một phần diện tích đất canh tác lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang các mục đích khác có hiệu quả kinh tế cao hơn như nuôi trồng thủy sản, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày để tăng giá trị và hiệu quả canh tác trên một đơn vị diện tích.

Hướng điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung vào mục tiêu cơ bản là giảm giá thành, nâng cao chất lượng và giá trị các loại nông sản hiện có, kết hợp điều chỉnh quy mô sản xuất một số ngành hàng trên cơ sở thị trường và lợi thế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất và nước.

Giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy nhanh chuyển đổi là nhanh chóng tiến hành rà soát lại quy hoạch trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhu cầu thị trường và lợi thế của từng địa phương. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, vùng chuyên canh cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, các trang trại chăn nuôi tập trung qui mô lớn.

Tăng cường chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong đó chú trọng đến công tác khuyến nông nhằm tăng cường kỹ thuật sản xuất cho nông dân để gia tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa, đáp ứng được các yêu cầu tiêu chuẩn của nông sản hàng hóa trong nước và thế giới. Nghiên cứu, áp dụng

các kỹ thuật công nghệ mới trong sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản.

Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu và nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo đảm sản xuất an toàn, hiệu quả và chủ động trong điều kiện mùa vụ, thời tiết khác nhau. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, điện, thông tin, nước sạch cũng như các cụm công nghiệp nông thôn, bố trí dân cư, và đảm bảo môi trường sinh thái.

Chương trình giống được tiếp tục triển khai nhằm đáp ứng nhanh nhu cầu giống có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa phương, vùng miền để hạn chế thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và được thị trường chấp nhận; trình diễn các mô hình ứng dụng công nghệ cao, cũng như quy hoạch các khu vực sản xuất ứng dụng công nghệ cao cho một số loại sản phẩm.

5.2. Nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của hàng nông sản

- Để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng nông sản, cần thiết phải nâng cao chất lượng hàng hóa. Chú trọng đầu tư nghiên cứu và chuyên giao khoa học, công nghệ, làm cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành nông sản.

- Triển khai các chương trình giống cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển bảo quản, chế biến nông, lâm sản. Nhiều địa phương đã chủ động xây dựng dự án để tiếp nối đưa giống tốt đến với nông dân, tập trung vào các loại cây, con chính của địa phương.

- Tạo mọi điều kiện cho việc phát triển kinh tế hợp tác và kinh tế trang trại cộng với việc quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất lúa xuất khẩu, cũng như tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ, bao tiêu nông sản cho nhà nông.

- Phát huy thế mạnh trong sản xuất lúa, đẩy mạnh việc sử dụng giống xác nhận, đồng thời giảm giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giảm thất thoát sau thu hoạch và sản xuất lúa chất lượng cao để giảm chi phí sản xuất, sản phẩm làm ra có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của thị trường, từng bước nâng cao giá trị sản xuất. Bảo đảm ổn định về chất lượng sản phẩm. Trong vùng nguyên liệu thành lập tổ sản xuất giống để cung cấp giống cho từng vùng.

- Vận động áp dụng các mô hình đa canh trong sản xuất như: lúa – cá, lúa – màu, nuôi thủy sản cộng đồng trong mùa lũ..., thực hiện các vùng sản xuất đa canh ở những nơi có điều kiện nhằm tăng vòng xoay của đất, tăng giá trị trên 1 ha sản xuất, khai thác tốt tiềm năng, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật – công nghệ, tổ chức lại sản xuất nhằm mục đích nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm làm ra, đảm bảo môi trường, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong việc hội nhập kinh tế thế giới.

- Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và thông tin thị trường tiêu thụ để định hướng cho nông dân sản xuất có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động ngư dân thực hiện tốt việc phát triển thủy sản theo quy định của pháp luật và tập trung đầu tư thủy lợi cấp và thoát nước đảm bảo môi trường cho vùng nuôi sản xuất hàng hóa lớn.

- Mặt khác, cần hỗ trợ tích cực để chuyển giao và ứng dụng các quy trình canh tác tiên bộ để giảm giá thành sản phẩm. Đối với bảo quản, chế biến nông sản, cần hướng tới áp dụng các công nghệ tiên tiến đạt tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm quốc tế.

5.3. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nông nghiệp

Một là, nâng cao trình độ học vấn, hiểu biết về kinh tế - xã hội, văn hóa, luật pháp... cho các chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý và

người lao động trong doanh nghiệp, tăng cường năng lực của chủ doanh nghiệp, giám đốc và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp về quản trị kinh doanh, quản trị chiến lược. Trong mọi điều kiện, doanh nhân cần thường xuyên cập nhật tri thức mới, những kỹ năng cần để có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tiếp cận nền kinh tế tri thức.

Hai là, hiện nay đa số các doanh nghiệp Việt Nam đều có quy mô nhỏ làm hạn chế phát triển, vốn ít, trình độ học vấn, kiến thức kinh doanh, hiểu biết luật pháp không cao, trình độ tay nghề của người lao động thấp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn lại đang sử dụng những công nghệ, hệ thống máy móc, thiết bị cũ kỹ, lạc hậu. Tỷ lệ đổi mới trang thiết bị hàng năm chỉ đạt 5-7% (trong khi cả thế giới là 20%)... Trong điều kiện này, để thực hiện chiến lược cạnh tranh cần phải thực hiện phương châm liên kết và hợp tác để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Sự liên kết và hợp tác không phải là phép tính cộng tổng số các doanh nghiệp, mà chính là tạo ra sức mạnh bộ phận của các nhóm, các tập đoàn kinh tế cùng sản xuất kinh doanh một (hoặc một số) sản phẩm nhất định và cùng thực hiện chiến lược thương hiệu, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm trên thị trường.

Ba là, tăng cường sự hỗ trợ của chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước về vốn, cơ chế, chính sách, luật pháp, xúc tiến thương mại, giáo dục – đào tạo, tư vấn về thiết bị, công nghệ hiện đại... cho các doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường hơn nữa vai trò của các hiệp hội, các hội, các câu lạc bộ giám đốc và các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ đối với sự phát triển của các doanh nghiệp.

Bốn là, xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa có vai trò quan trọng trong sự phát triển, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội

5.4. Phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới, nâng cao năng lực của hệ thống thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ nông nghiệp

- Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư thuộc phạm vi quản lý, ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp việc nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản và doanh nghiệp kinh doanh nông sản, trước hết là về thủy lợi, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ nông nghiệp. Chính phủ Việt Nam sẽ phải quan tâm hơn phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại, nhất là xuất khẩu, như: cảng sông, biển chuyên dụng, kho lạnh, xe lạnh, kho ngoại quan, chợ bán buôn...; đồng thời tiếp tục tăng đầu tư cho phát triển giao thông, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc ở nông thôn.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, con người cho hệ thống thú y, bảo vệ thực vật cần được đầu tư để đào tạo nhân lực, tăng cường trang thiết bị, hài hòa các thủ tục và tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu bảo vệ sản xuất nông nghiệp trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra đồng ruộng, theo dõi diễn biến thời tiết và dự tính, dự báo chính xác các đối tượng sâu bệnh hại đối với cây trồng; chỉ đạo và hướng dẫn các biện pháp phòng, trừ dịch bệnh hại tổng hợp có hiệu quả, tăng cường sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc bốn đúng (đúng thuốc, đúng liều lượng và nồng độ, đúng lúc và đúng cách), thuốc sinh học hợp lý, sản xuất hữu cơ, giám sử dụng phân vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật nhằm giảm ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

5.5. Đào tạo nguồn nhân lực

Yếu tố quyết định sự thành công của hội nhập là con người. Trong thời gian tới, cần đầu tư lớn hơn cho đào tạo và đào tạo lại, trang bị các kiến thức khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế cho lực lượng cán bộ trong ngành nông nghiệp. Phổ cập các kiến thức về hội nhập, các cam kết mà ngành nông nghiệp Việt Nam đã ký

và phải thực hiện cho các doanh nghiệp, nông dân.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng và nhà nước. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, gắn đào tạo với giải quyết việc làm cho người lao động. Mở rộng quy mô, đối tượng, tăng cường kinh phí cho đào tạo, tập huấn nghề cho nông dân. Chú trọng các loại hình đào tạo hỗ trợ cho lao động nông thôn như: tập huấn nâng cao tay nghề, bồi dưỡng kèm cặp tại chỗ, bồi dưỡng tập trung ngắn hạn, thông qua các phương tiện thông tin, tham quan kiến tập... Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển. Đặc biệt chú trọng những nghề truyền thống, tận dụng thời gian nhàn rỗi và các vật liệu tại chỗ của từng địa phương.

- Thực hiện chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, cán bộ quản lý về công tác tại các cơ quan tổ chức trong ngành nông nghiệp của địa phương.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tuyên truyền phổ biến, tập huấn kỹ thuật, không ngừng nâng cao trình độ sản xuất thâm canh cho nông dân; tiếp tục xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất; từng bước đổi mới, tạo bước chuyển biến trong công tác khuyến nông - khuyến ngư, công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ sạch, biogas, công nghệ bảo quản và chế biến đối với rau, quả, thịt, sữa... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Hàng năm tổ chức sơ tổng kết, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng và phát triển nông thôn; giới thiệu các mô hình điển hình tiên tiến, các loại hình dịch vụ mới, sản xuất kinh doanh hiệu quả đến các địa phương có điều kiện phù hợp.

5.6. Đổi mới quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều chỉnh phù hợp về phương thức, bộ máy và phương tiện quản lý, đáp ứng yêu cầu của hội nhập từ cơ sở. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có bộ phận theo dõi về thị trường và hội nhập để thực hiện nhiệm vụ về công tác hội nhập. Thời gian qua, công tác hội nhập hầu như mới chỉ diễn ra ở cấp Trung ương. Các địa phương, chủ yếu mới chỉ có cán bộ chủ chốt được phổ biến về chính sách và chủ trương hội nhập của ta. Cán bộ chuyên môn theo dõi phần việc này hầu như chưa có.

- Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, những đòi hỏi về vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chứng nhận sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP) góp phần hạn chế rủi ro trong thương mại, nâng cao sức cạnh tranh trên thương trường cho hàng nông sản. Vấn đề đặt ra là cần phải xây dựng được các mô hình liên kết giữa các hộ nông dân theo liên kết ngang (giữa các nông hộ với nhau) tạo nên một tổ chức có quy mô lớn, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng đồng nhất, an toàn, có khối lượng lớn thuận lợi cho việc bán sản phẩm, đồng thời xây dựng liên kết dọc (từ các nông hộ đến cơ sở, doanh nghiệp).

- Tăng cường và đổi mới các hoạt động dịch vụ của nông nghiệp, mở rộng những hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp đang có nhu cầu lớn trong dân cư nông thôn như: Dịch vụ tín dụng nội bộ, vệ sinh môi trường nông thôn, vùng nước, chợ.

- Tăng cường và đổi mới hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó tập trung sản xuất những sản phẩm xã hội có nhu cầu cao, dễ tiêu thụ, sinh lời lớn như: Sản xuất kinh doanh giống, vật liệu xây dựng, thu mua sơ chế sản phẩm nông nghiệp...

- Tăng cường nguồn lực về con người và kinh phí cho lĩnh vực quản lý nông nghiệp tại Chi cục Phát triển nông thôn.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công tác quản lý, Luật Nông nghiệp... cho cán bộ quản lý các cấp, ngành liên quan, nhất là cán bộ cấp xã.

- Đổi mới công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp hàng năm ở các cấp, ngành.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành về phát triển Hợp tác xã Nông nghiệp.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đối với kinh tế tập thể của các Sở, ngành liên quan.

- Củng cố các vùng nông nghiệp hoạt động khá, giỏi; tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ, hỗ trợ các vùng nông nghiệp trong việc thu mua, chế biến nông sản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng một số mô hình vùng nông nghiệp hoạt động có hiệu quả để học tập kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thực hiện tốt công tác sơ tổng kết, báo cáo định kỳ, năm.

6. KẾT LUẬN

Nông nghiệp, nông thôn từ trước đến nay luôn là vấn đề có tầm chiếm lược của cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, ra sức tập trung phát triển nông nghiệp và nông thôn, trong đó chủ yếu là phát triển kinh tế nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định đời sống nhân dân, tạo điều kiện tiền đề cho bước phát triển tiếp theo trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Chinh, *Để nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững*, Tạp chí Kinh tế phát triển tháng 6/2010.
2. Nguyễn Tiến Dũng, 2002, *Đổi mới và hoàn thiện một số chính sách nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
3. TS Phạm Hùng, 2002, *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn miền Đông Nam Bộ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa*, Nxb Nông nghiệp.
4. Niên giám thống kê năm 2010

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một trong những nội dung trọng yếu của hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là nhằm khai thác các nguồn lực như đất đai, rừng, biển, công nghệ, ngành nghề, sức lao động dồi dào, ưu thế địa lý và sinh thái của từng vùng... để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó từng bước chuyển đổi nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thuần nông, mang tính tự cấp tự túc sang phát triển nông nghiệp đa dạng kinh doanh tổng hợp theo hướng kinh tế thị trường.

Sau 25 năm đổi mới, nông thôn Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn: sản xuất bắt đầu thoát khỏi tình trạng thuần nông, tự cấp tự túc; tỷ suất hàng hóa trong sản phẩm nông nghiệp ngày càng được nâng lên; đời sống nông dân được cải thiện và có bước phát triển... Tuy nhiên, trình độ cải thiện kinh tế vẫn còn thấp; tốc độ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng và lợi thế so sánh của vùng; năng suất, chất lượng nông sản còn thấp, do đó gặp khó khăn trong tiêu thụ, đặc biệt đối với các mặt hàng xuất khẩu trên thị trường.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một quá trình, cần sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp. Mặt khác, cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn rất nhạy cảm bởi tác động của thị trường, ứng dụng lý thuyết cơ cấu kinh tế vào thực tiễn là vấn đề mới mẻ.